

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨ THƯ'
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:32/2017/HNGĐ -ST

Ngày 07/7/2017

V/v tranh chấp Ly hôn - ST

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨ THƯ' , TỈNH THÁI BÌNH**

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà : **Nguyễn Thị Hải Lý**

- *Các hội thẩm nhân dân:*

1. **Bà Nguyễn Thị Nhiều**

2. **Ông Phạm Đức Hiễn**

- *Thư ký phiên tòa:* **Bà Nguyễn Thị Tho** - Thư ký Toà án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

- *Đại diện VKSND huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:*
Bà Lê Minh Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Vũ Thư xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 54 /2017/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2017/QĐXX -ST ngày 05 tháng 6 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2017/QĐST- HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Phan Thị Diệu T, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện V, tỉnh T.

- **Bị đơn:** Anh Triệu Văn T , sinh năm 1988

Nơi ĐKKHKT: Thôn T, xã H, huyện V, tỉnh T

(Chị Thu có mặt tại phiên tòa, anh T vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/3/2017 cũng như tại biên bản tự khai ngày 21/3/2017 và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Phan Thị Diệu T trình bày:***

Chị và anh Triệu Văn T kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện T, tỉnh P vào ngày 16/5/2007. Sau kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 9/2008 thì phát sinh mâu thuẫn. Do anh T là người sống vô trách nhiệm với vợ con, thường xuyên đi qua đêm, hay tức giận và chửi mắng vợ con một cách vô cớ. Anh T còn đánh chị. Vợ chồng cãi chửi nhau liên tục.

Từ tháng 12/2016, vợ chồng chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, không quan tâm gì đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T. Hiện nay anh T thường hay vắng nhà. Khi chị gửi đơn đến tòa án chị đã điện thoại thông báo cho anh T, anh T cũng biết việc ly hôn này nhưng anh T không hợp tác. Thi thoảng anh T có về nhà nhưng anh T tránh không gặp mặt chị, chị cũng không gặp anh T. Tại phiên tòa hôm nay chị T vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn anh T.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 02 con chung. Con lớn tên là Triệu Văn T1, sinh ngày 25/4/2008. Con nhỏ là Triệu Thị Hải Y, sinh ngày 22/3/2012. Ly hôn chị đề nghị được nuôi cả hai con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con hàng tháng.

Về quan hệ tài sản: vợ chồng không có tài sản gì chung; không vay nợ gì ai hay bất cứ cơ quan, tổ chức xã hội nào khác và không cho ai vay nợ gì. Ruộng cấy cũng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* **Anh Triệu Văn T** đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh T không có mặt tại tòa án để nộp bản tự khai và trình bày quan điểm của mình đối với yêu cầu của chị T, để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, anh T đều vắng mặt không lý do. Vì vậy anh T không thể hiện quan điểm của mình trong vụ án.

* **Theo bà Trần Thị N (Mẹ đẻ chị T cư trú tại thôn TB, xã H, huyện V, tỉnh T) trình bày** tại biên bản lấy lời khai của người làm chứng ngày 30/3/2017 như sau: Về quá trình kết hôn của vợ chồng đúng như chị T đã trình bày. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hòa thuận đến tháng 9/2008 thì phát sinh mâu thuẫn. Kể từ khi chị T sinh con đầu là cháu Triệu Văn T, anh T bỏ nhà đi không quan tâm gì đến mẹ con chị T. Khoảng một tháng sau anh T mới về nhà. Mặt khác anh T còn rủ rê bạn bè về nhà uống rượu, chơi bời, không tu chí làm ăn. Bản thân chị T cũng động viên, khuyên bảo. Gia đình hai bên có họp lại, phân tích, bảo ban anh T nhưng anh T không chịu sửa đổi mà càng ngày càng quá ra. Anh T thường vắng nhà vào ban đêm, bà cũng đã phải đi tìm anh T về. Nay chị T có đơn xin ly hôn anh T, đề nghị tòa án xem xét nguyện vọng của chị T để giải quyết cho chị T được ly hôn anh T.

Về con chung: Chị T và anh T có 02 con chung tên là Triệu Văn T1, sinh ngày 25/4/2008 và Triệu Thị Hải Y, sinh ngày 22/3/2012. Ly hôn, đề nghị Tòa án giao cả hai cháu cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Vì hiện tại các cháu vẫn đang ở cùng chị T, chị T vẫn quan tâm chăm sóc tốt cho các cháu.

Về tài sản: Vợ chồng chị T không có tài sản gì chung, không cho ai vay nợ và cũng không vay nợ của ai. Ruộng cấy cũng không có.

*** Ông Hà Văn D, sinh năm 1960. Cư trú tại: thôn B, xã H, huyện V, tỉnh T (chú ruột anh Triệu Văn T) trình bày** tại biên bản lấy lời khai của người làm chứng ngày 12/4/2017 như sau: Chị T và anh T kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn vào ngày 16/5/2007 tại UBND xã X, huyện T, tỉnh P. Sau khi cưới nhau vợ chồng đưa nhau về sinh sống tại thôn B, xã Hồng Lý, huyện V, tỉnh T. Đến năm 2010 thì chuyển về thôn T, xã H, huyện V, tỉnh T sinh sống. Quá trình chung sống chị T và anh T có xảy ra va chạm. Cụ thể nguyên nhân sâu xa thì ông không rõ. Nay chị T có đơn xin ly hôn anh T, ông không có ý kiến gì mà tự anh chị ấy quyết định.

Về con chung và tài sản chung của vợ chồng: Đúng như chị T trình bày. Ly hôn, đề nghị Tòa án căn cứ vào đề nghị của chị T và nguyện vọng của cháu T để giải quyết theo quy định của pháp luật.

*** Tại phiên tòa đại diện VKSND huyện Vũ Thư phát biểu quan điểm:** Thẩm phán và HĐXX, các đương sự thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

+ **Quan hệ hôn nhân:** đề nghị xử cho chị Phan Thị Diệu T được ly hôn anh Triệu Văn T.

+ **Quan hệ con chung:** Vợ chồng có 02 con chung là Triệu Văn T1, sinh ngày 25/4/2008 và Triệu Thị Hải Y, sinh ngày 22/3/2012. Ly hôn giao con cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của chị T, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con hàng tháng.

+ **Quan hệ tài sản:** Do anh T vắng mặt và chưa có lời trình bày tại tòa án, vì vậy chưa đủ căn cứ xác định tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản của chị T, anh T. Cần tách ra giải quyết bằng vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

+ **Án phí:** Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, cũng như thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị Diệu T và anh Triệu Văn T kết hôn ngày 16/5/2007, đăng ký tại UBND xã X, huyện T, tỉnh P là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp.

Quá trình chung sống do anh thường xuyên uống rượu say, đánh chửi chị T, bỏ nhà đi qua đêm và sống vô trách nhiệm, không quan tâm gì đến vợ con. Chị T cùng gia đình cũng đã bỏ qua tha thứ và cho anh T cơ hội để sửa chữa nhưng anh T không thay đổi. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 12/2016 đến nay, không ai

quan tâm đến ai. Nay chị T xác định vợ chồng không còn tình cảm và không có khả năng đoàn tụ. Tòa án cũng đã hỗ trợ về việc gửi các tài liệu chứng cứ mà chị T giao nộp cho anh T theo đơn đề nghị của chị T và đã triệu tập họp lệ anh T nhiều lần, anh T có biết việc chị T có đơn xin ly hôn anh nhưng anh T cố tình không đến tòa án làm việc. Vì vậy, Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai, chứng cứ vắng mặt anh T và không tiến hành hòa giải được.

Qua xác minh tại địa phương cũng khẳng định vợ chồng chị T, anh T sống ly thân mỗi người một nơi. Anh còn quan hệ bất chính với người phụ nữ khác dẫn đến gia đình tan vỡ. Mặt khác bà Trần Thị N (mẹ đẻ chị T) xác nhận anh T sống thiếu trách nhiệm với gia đình, không quan tâm đến vợ con. Tòa án đã nhiều lần gửi giấy triệu tập về địa phương, địa phương đã giao trực tiếp cho chú ruột của anh T là ông Hà Văn D. Ông D thừa nhận đã nhận và trực tiếp thông báo cho anh T biết qua điện thoại. Khi anh T về ông D cũng đã giao tận tay cho anh T các văn bản tố tụng của tòa án gửi, anh T có nắm được và biết việc chị T có đơn xin ly hôn anh T, nhưng anh T không đến tòa án để làm việc là cố tình gây khó khăn cho chị T. Anh T còn yêu cầu ông không được ký nhận các văn bản của tòa án gửi. Điều này cho thấy anh thực sự không thiết tha gì với cuộc hôn nhân này và cũng không mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Xét thực trạng quan hệ vợ chồng của chị T, anh T đó đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 - Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

[2] Quan hệ con chung: Tại phiên tòa hôm nay chị T có nguyện vọng được nuôi hai con là cháu Triệu Văn T1 và Triệu Thị Hải Y. Chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con hàng tháng. Xét điều kiện hiện tại của hai bên thì thấy: anh T làm nghề lao động tự do, thu nhập không ổn định. Anh T lại thường xuyên vắng nhà nên không thể đảm bảo được việc nuôi con, chăm sóc con hàng ngày. Chị T có công việc và thu nhập ổn định. Trong thời gian chung sống trước đây và từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay chị vẫn chăm sóc con chu đáo, quan tâm đến việc học tập của con và đóng học phí đầy đủ theo quy định mà nhà trường đề ra. Điều này được Ông Nguyễn Hữu K – Hiệu trưởng Trường tiểu học H và cô giáo chủ nhiệm lớp cháu Triệu Văn T1 cùng Hiệu trưởng trường mầm non H - bà Phan Thị H và cô giáo chủ nhiệm lớp cháu Triệu Thị Hải Y xác nhận. Mặt khác, chị cũng thiết tha được chăm lo, dạy dỗ cho con. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con căn cứ vào điều 81, 82, 83, 84 - Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao con cho chị T tiếp tục nuôi dạy là hợp lý và cũng phù hợp với đề nghị của địa phương và quy định của pháp luật. Chấp nhận việc chị T không yêu cầu anh T cấp

đưỡng nuôi con. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con được đặt ra khi có yêu cầu.

* Quan hệ tài sản: Do không có lời trình bày của anh T về vấn đề tài sản, vì vậy chưa đủ căn cứ xác định tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản của chị T, anh T. Cần tách ra giải quyết bằng vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

Về án phí ly hôn sơ thẩm chị T phải chịu 300.000 đồng

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điều 39 Bộ luật dân sự; Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 - Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 - Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí, lệ phí tòa án.

1. Quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phan Thị Diệu T được ly hôn anh Triệu Văn T.

2. Quan hệ con chung: Xử giao hai con chung là cháu Triệu Văn T1, sinh ngày 25/4/2008 và cháu Triệu Thị Hải Y, sinh ngày 22/3/2012 cho chị Phan Thị Diệu T nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con hàng tháng. Anh Triệu Văn T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con được đặt ra khi có yêu cầu.

3. Quan hệ tài sản: Tách ra giải quyết sau khi có yêu cầu.

4. Án phí: Chị Phan Thị Diệu T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm (*đã nộp tại biên lai số 0002596 ngày 21/3/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V*).

Án tuyên công khai sơ thẩm có mặt chị T. Báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ tuyên án.

Vắng mặt anh Triệu Văn T báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết kết quả của bản án tại trụ sở UBND xã H, huyện V, tỉnh T.

Nơi nhận :

- V.K.S.N.D huyện Vũ Thư
- Chi cục T.H.A Dân sự huyện V
- Các Đương Sự
- UBND xã X, huyện T, tỉnh P
- TAND tỉnh Thái Bình
- Lưu hồ sơ
- Lưu HCTP

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)